THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Lê Hương
Viện Tâm lý học.

Thái độ là một hiện tượng tâm lý có nhiều khả năng chi phối các hành vi có ý thức của con người. Đây là một hiện tượng tâm lý có ý nghĩa đặc biệt đến mức G.W. Allport cho rằng thái độ là khái niệm quan trọng nhất trong tâm lý học xã hội hiện đại Mỹ. Chúng tôi cho rằng, việc tìm hiểu thái độ của người dân đối với vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác nâng cao ý thức của họ về vấn đề này.

Có thể hiểu thái độ là sự sẵn sàng về mặt tâm thần kinh hướng cá nhân tới những cách thức hành động nhất định trong quan hệ với đối tượng hay giá trị có liên quan. Tuy nhiên, giữa thái độ và hành động thực tiễn của con người, không phải bao giờ cũng tồn tại mối quan hệ đồng nhất. Có thực trạng như vậy bởi vì sự hình thành thái độ của con người đối với những vấn đề nhất định chịu sự chi phối mạnh mẽ của quá trình cá nhân tiếp nhận các giá trị xã hội, quá trình chuyển hoá các giá trị xã hội thành những giá trị của bản thân cá nhân. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, trong nghiên cứu thái độ cần chú ý đến những cấp độ khác nhau, thể hiện thái độ của con người, đó là các cấp độ nhận thức, xúc cảm (mong muốn, tâm trạng) và hành vi. Trong nghiên cứu này[1], thái độ của người dân đối với việc sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường cũng được xem xét ở ba cấp độ đó. Trong đó, ở cấp độ nhận thức, chúng tôi tìm hiểu thái độ của người dân thể hiện trong một số bối cảnh khác nhau, đó là nhìn nhận về trách nhiệm của người dân và Nhà nước trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; nhìn nhận về quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường và cuối cùng là nhìn nhận về quan hệ giữa nguồn tài nguyên và hành vi tiêu dùng. Ở cấp độ hành vi, thái độ được xem xét thông qua ứng xử của người dân trước những hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Bảng 1: *Thái độ của người dân đối với việc sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trong một số mối quan hệ khác nhau (ĐTB)*

Nội dung nhìn nhận	ĐTB	Độ lệch chuẩn
1. Nhìn nhận về trách nhiệm của người dân và Nhà nước trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.	3,15	0,33
2. Nhìn nhận về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.	3,17	0,38
3. Nhìn nhận về mối quan hệ giữa nguồn tài nguyên và hành vi sử dụng tài nguyên.	2,97	0,35

Ghi chú: ĐTB tối thiểu = 1; ĐTB tối đa = 4; điểm trung vị = 2,5. ĐTB càng cao thể hiện người dân càng thấy rõ trách nhiệm của mình trong bảo vệ môi trường (nội dung 1), càng coi trọng việc bảo vệ môi trường (nội dung 2,3).

Ở cấp độ nhận thức, có thể khẳng định rằng hầu hết người dân nhận thức rõ sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và ủng hộ việc thực thi các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường. Theo các kết quả khảo sát của chúng tôi thì 96,8% số người tham gia khảo sát nhất trí rằng việc thực thi các luật, các quy định của Nhà nước về tài nguyên, môi trường là cần thiết. Tuy nhiên, sự ủng hộ của người dân có những sắc thái khác nhau khi xem xét trong những bối cảnh khác nhau.

Các kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, đa số người dân thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc cùng với Nhà nước giữ gìn tài nguyên của đất nước, bảo vệ môi trường (ĐTB = 3,15): 94,6% số người cho rằng bảo vệ môi trường sống, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên của đất nước là trách nhiệm của toàn dân; 94,7% - cho rằng Nhà nước cần xã hội hoá việc bảo vệ môi trường, có những quy định pháp lý để người dân tham gia giám sát và thực thi công việc này; 93,3% số người đồng ý đóng góp một phần thu nhập nếu biết chắc chắn phần tiền đó được dùng để chống ô nhiễm môi trường hoặc nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên.

Khi đánh giá mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, đa số người dân hiểu rằng phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường, không nên quá chú trọng phát triển kinh tế mà làm cho môi trường bị ô nhiễm, tài nguyên bị cạn kiệt (ĐTB - 3,17). Chẳng hạn, 94,8% số người hiểu rõ phát triển kinh tế mà không gắn với bảo vệ môi trường thì điều đó sẽ dẫn đến chỗ huỷ diệt loài người. Thế nhưng, trong bối cảnh cụ thể hơn, cần sự lựa chọn rõ ràng hơn, thì dường như mức độ ủng hộ việc bảo vệ môi trường có phần giảm

đi. Trong số những người tham gia khảo sát của chúng tôi có tới 27,4% số người không đồng ý với nhận định rằng, bảo vệ môi trường sống cần được chú trọng, kể cả khi điều đó làm giảm cơ hội mưu sinh của một số người, làm giảm tăng trưởng kinh tế của đất nước và 14,7% đồng ý rằng khi người dân quá nghèo thì có thể châm chước nếu như họ có những hành vi huỷ hoại môi trường như khai thác gỗ không giấy phép, bắt cá bằng chất nổ, hay săn bắt thú rừng quý hiếm bán kiếm tiền. Rõ ràng, tính cấp thiết của cơ hội mưu sinh, sự thúc bách của những đòi hỏi đáp ứng các nhu cầu sinh tồn của người dân là có thật, nó hiện hữu từng ngày, từng giờ đối với nhiều người dân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Mâu thuẫn rất khó giải quyết triệt để giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường không chỉ tồn tại đối với Việt Nam, mà đối với tất cả các nước. Đối với các nước có nền kinh tế kém phát triển thì một điều cần được nhìn nhận rõ ràng rằng, mục tiêu phát triển vì con người không chỉ đòi hỏi đảm bảo một môi trường sống có khả năng đáp ứng nhu cầu cho con người ở cả các thế hệ mai sau, mà còn là và trước hết phải đáp ứng các nhu cầu sống hiện tại của người dân hôm nay. Vì vậy, việc xây dựng các quyết định quản lý Nhà nước đối với tài nguyên, môi trường và thực thi các quyết định đó phải đảm bảo vừa bảo vệ tài nguyên, môi trường, vừa đảm bảo công ăn việc làm cho mỗi người dân. Có lẽ lối thoát khả quan nhất là tạo điều kiện khả thi để người dân có thể thay thế những việc làm có hại cho tài nguyên, môi trường bằng những việc làm khác không có hại hoặc ít hại hơn.

Dưới một góc nhìn khác - góc nhìn từ việc xem xét mối quan hệ giữa nguồn tài nguyên và hành vi tiêu dùng, chúng tôi thấy thái độ ủng hộ của người dân đối với việc bảo vệ môi trường còn thấp hơn nữa (ĐTB = 2,97). Ở đây, thái độ của không ít người dân bị chi phối bởi xu hướng phát triển nhu cầu của con người - một xu hướng phát triển về cơ bản mang tính tự phát, ít có sự điều chỉnh của ý thức sinh thái môi trường. Nhìn lại quá trình phát triển nhu cầu của người dân ở các nước có nền kinh tế phát triển, nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét rằng nhu cầu chinh phục, bao gồm cả chinh phục thiên nhiên là một nhu cầu tiềm ẩn ở nhiều người. Họ cho rằng cuộc sống sẽ tốt hơn nếu tiếp tục tăng thêm sự giàu có về của cải vật chất và sự phung phí là điều nhiều người muốn làm vì đằng sau hành động đó ẩn chứa một cảm giác chinh phục, ẩn chứa sức mạnh của con người. Các kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, về nguyên tắc, người dân nhất trí cao trong việc cần thiết phải bảo vệ môi trường và mỗi người cần phải điều chỉnh hành vi tiêu dùng của mình để thực hiện điều này. Chẳng hạn, 96,5% số người cho rằng, nếu con người không tìm cách sử dụng tài nguyên một cách hợp lý thì sẽ đến lúc nguồn tài nguyên của đất nước sẽ cạn kiệt; 97,1% - hiểu rằng hạn chế sử dụng những loại hàng hoá có hại cho môi trường là góp phần bảo vệ môi trường. Nhưng, cũng có tới 26,9% số người cho rằng nước, điện, than, đồ gia dụng bằng gỗ đều là hàng hoá tiêu dùng. Mọi người đều có thể sử dụng tuỳ ý thích của mình, như thế nào cũng được, miễn là

trả tiền đầy đủ. Như vậy, đối với không ít người, hành vi tiêu dùng được thực hiện theo quan hệ cung - cầu, liên quan đến nội dung hàng hoá và giá cả hàng hoá, chứ không phải được điều chỉnh bởi ý thức bảo vệ môi trường. Trên thực tế, trong một bối cảnh mà nền kinh tế chưa phát triển lắm, các loại nhu cầu của người dân vừa mới có dịp phát triển về số lượng và chất lượng đáp ứng các nhu cầu đó đang được nâng cao, thì việc kìm hãm những nhu cầu đó là việc khó thực hiện, nếu người dân chưa được giáo dục tốt và chưa thấy tính chất cấp thiết của việc giữ gìn tài nguyên, bảo vệ môi trường. Điều này cho thấy, vấn đề điều chỉnh hành vi tiêu dùng của người dân sao cho có lợi đối với tài nguyên, môi trường phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động quản lý Nhà nước bằng cách kết hợp các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục. Vì vậy, mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên, môi trường với các cơ quan quản lý các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác là rất cần thiết.

Tìm hiểu thái độ của người dân ở cấp độ xúc cảm và cấp độ hành vi chúng tôi nhận thấy rằng, thái độ của người dân đối với vấn đề sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường ở những cấp độ này có những điểm không tương đồng. Các kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, phần lớn những người tham gia khảo sát khẳng định rằng, họ trải nghiệm tâm trạng khó chịu khi chứng kiến người khác có những hành vi gây ô nhiễm môi trường và không đồng tình với những hành vi đó. Họ cũng e ngại khi bản thân có những hành vi không đúng chuẩn mực... Những biểu hiện xúc cảm như vậy chứng tỏ rằng, bảo vệ môi trường để có một môi trường sống trong sạch đã trở thành một giá trị xã hội tích cực và một nhu cầu thật sự trong đời sống của người dân. Tuy nhiên, đối với không ít người thì mức độ ý thức về tính cấp thiết của nhu cầu đó và sự nỗ lực nhằm thoả mãn nhu cầu đó chưa cao. Bằng những quan sát thực tế chúng ta dễ dàng nhận thấy, không nhiều người dân tỏ rõ thái độ bảo vệ môi trường của mình ở cấp độ hành vi, thông qua những ứng xử của họ trước những hành vi sử dụng không hợp lý tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Có thể khẳng định rằng, đối với không ít người việc tỏ rõ thái độ ở cấp độ hành vi phụ thuộc không nhỏ vào những lợi ích trước mắt. Chẳng hạn, người dân với tư cách là những cá nhân, sẽ tỏ rõ thái độ của mình nếu việc gây tiếng ồn của một cơ sở sản xuất, đã ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân họ và gia đình họ, hay nếu hành động sử dụng lãng phí nước của một ai đó đã làm cho gia đình họ không đủ nước sạch để dùng... Điều này thể hiện rất rõ nếu chúng ta so sánh mức độ thể hiện thái độ của người dân ở cấp độ hành vi, chẳng hạn, đối với những hành vi thải rác không đúng quy định tại nơi cư trú của họ và ở đường phố nói chung. Theo kết quả của một cuộc khảo sát mà chúng tôi tiến hành tại Hà Nội năm 2002[2] thì trước hành vi thải rác không đúng nơi quy định của người khác ở nơi cư trú, có tới 70,2% số người tỏ thái độ bằng cách nhắc nhở người đó để họ thay đổi hành vi của mình và chỉ có 25,7% số người dù không đồng tình nhưng không tỏ thái độ gì, và 4,7% số người không chú ý đến hành vi nói trên. Trong

khi đó, sự phân bố các số liệu phản ánh các hành vi ứng xử nêu trên có xu hướng ngược lại nếu như người dân chứng kiến hành vi đó trên đường phố: 55,1% số người không đồng tình, nhưng không tỏ thái độ gì, 11,2% - không chú ý đến hành vi thiếu văn hoá đó và chỉ có 12,2% tỏ thái độ bằng cách nhắc nhở. Cách ứng xử như trên chịu sự chi phối của vấn đề lợi ích, song cũng có thể là hệ quả của cách suy nghĩ về vai trò cá nhân như "muối bỏ biển" - một người nhắc nhở sẽ chẳng đem lại hiệu quả gì, trong khi nhiều người khác né tránh và việc thực hiện các luật môi trường chưa nghiêm.

Tóm lại, về cơ bản ở người dân đã hình thành nhu cầu về sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và họ ủng hộ Nhà nước và các cơ quan chức năng thực hiện điều này. Tuy nhiên, thái độ đối với việc bảo vệ môi trường của không ít người còn bị chi phối bởi lợi ích nói chung và lợi ích kinh tế nói riêng, bởi định hướng giá trị không đúng đắn trong thoả mãn nhu cầu của họ và ý thức cộng đồng chưa tốt.

Chú thích

1. Đề tài cấp Bộ: "*Nhân tố con người trong quản lý Nhà nước đối với tài nguyên, môi trường*" do TS. Lê Thanh Hương làm chủ nhiệm, Viện Tâm lý học chủ trì, khảo sát thực tiễn được tiến hành từ tháng 5/2004 đến tháng 8/2004 tại Hà Nội, Hà Tây và Hoà Bình với mẫu nghiên cứu là 401 người.

2. Đề tài cấp Bộ: "*Một số giải pháp tâm lý đối với vấn đề rác thải ở thành phố Hà Nội*". Chủ hiệm đề tài: GS.TS. Đỗ Long.